

HOA ✓

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **30** /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **02** tháng **10** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008 (sau đây gọi là Luật Phòng, chống ma túy);

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004);

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011);

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014TTLT-BTC-BLDTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính

đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 136/TTr-LĐTĐ ngày 10/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 06/7/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Quy định trách nhiệm đóng góp và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam và các Đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan báo, đài, website tỉnh;
- PCVP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, VX, NC, KT, TTCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Trí

QUY ĐỊNH

Về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30 /2015/QĐ-UBND ngày 02 /10 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Cơ sở) và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo Luật Phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật Phòng, chống ma túy.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC, CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO HỌC VIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 3. Nội dung, mức chi cho công tác áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH.

2. Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở

cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ trực tiếp cho người của tổ chức xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy theo các chức danh nhân sự quy định tại Điều b, Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP:

- Mức chi: 150.000 đồng/người/ngày đối với phụ trách đơn vị, y sỹ, bác sỹ.

- Mức chi: 100.000 đồng/người/ngày đối với điều dưỡng viên, bảo vệ.

b) Hỗ trợ cho người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lưu trú tại tổ chức xã hội:

- Tiền ăn: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày.

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng. Trường hợp trong thời gian lưu trú theo chỉ định của bác sỹ phải điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội: Mức tối đa 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

- Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Được cấp 02 (hai) bộ quần áo dài, 02 (hai) bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng. Mức 400.000 đồng/người/thời gian lưu trú.

- Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000 đồng/người/tháng.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

c) Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp danh sách tổ chức xã hội đủ điều kiện quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn các tổ chức xã hội lập dự toán kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH, thẩm định, cấp kinh phí cho tổ chức xã hội.

3. Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa người không có nơi cư trú ổn định vào tổ chức xã hội; đưa người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số ki lô mét và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn ở cùng thời điểm.

4. Chi truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn:

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi theo quy định tại Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngoài chế độ công tác phí, trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày ở trong tỉnh và 200.000 đồng/người/ngày ở ngoài tỉnh.

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm

giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Hỗ trợ cho đối tượng trong những ngày đi đường:

- Tiền ăn 40.000 đồng/ngày/người;

- Tiền ngủ (nếu có) theo mức quy định như đối với cán bộ, công chức, viên chức tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính.

- Chi phí tiền tàu xe hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa đối tượng bỏ trốn về Cơ sở. Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số ki lô mét và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn ở cùng thời điểm. Mức chi theo giá cước vận tải áp dụng tại địa phương hoặc chi phí thực tế (nếu đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển) hoặc hợp đồng thuê xe (nếu thuê xe ngoài).

Điều 4. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe:

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ, khám sức khỏe định kỳ: Mức chi theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

b) Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần. Việc điều trị cắt cơn nghiện ma túy, khám sức khỏe định kỳ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ: Y tế, Tài chính. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo:

- Trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm, nếu người nghiện ma túy bị thương do tai nạn lao động được sơ cứu, cấp cứu kịp thời cho đến khi ổn định thương tật.

- Trường hợp đối tượng có thể bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế.

- Trường hợp đối tượng không có bảo hiểm y tế:

+ Trường hợp bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng chữa trị của Trung tâm phải chuyển đến bệnh viện của Nhà nước điều trị thì chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian nằm viện do bản thân hoặc gia đình người đó tự thanh toán. Trường hợp Cơ sở đã tạm ứng thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh thì yêu cầu người cai nghiện hoặc gia đình họ hoàn trả lại.

+ Đối với đối tượng thuộc hộ nghèo, đối tượng là gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người lưu trú tạm thời, người không còn thân nhân được Cơ sở hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

+ Đối với đối tượng thuộc hộ cận nghèo được Cơ sở hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu: Mức 800.000đ/người/năm hoặc lần chấp hành quyết định đối với đối tượng thời gian chấp hành quyết định 01 năm trở xuống.

3. Tiền học văn hóa: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 và chi phí thực tế từng thời điểm.

4. Tiền ăn: 40.000đ/người/ngày.

5. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: Mức 70.000 đồng/học viên/năm.

6. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.

7. Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000đ/người/tháng.

8. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên: Nội dung và mức chi theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

9. Tiền học nghề

a) Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Căn cứ trình độ và năng lực của học viên; điều kiện về cơ sở vật chất của Trung tâm và tình hình thực tế, Giám đốc Cơ sở quyết định hình thức học nghề cho phù hợp. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học nghề thực tế và hình thức học nghề nhưng tối đa không vượt quá mức 3.000.000đ/người/khóa học; không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở từ lần thứ hai trở đi.

b) Hình thức học nghề

- Trường hợp học viên học nghề do Cơ sở trực tiếp tổ chức thì Cơ sở được chi các nội dung: Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề; mua tài liệu, giáo trình học nghề; thù lao giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên hướng dẫn thực hành nghề; hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề; chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có); chi phí điện, nước, phục vụ lớp học; sửa chữa tài sản, thiết bị dạy nghề; chi thuê thiết bị dạy nghề (nếu có); chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng kinh phí cho lớp đào tạo.

- Trường hợp học viên học nghề theo hình thức liên kết đào tạo giữa Cơ sở với cơ sở dạy nghề, Cơ sở thanh toán theo hợp đồng đào tạo.

10. Đối với học viên bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (trừ tiền ăn, tiền thuốc chữa trị cai nghiện) theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, Cơ sở, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam

và các văn bản hướng dẫn Quyết định.

11. Chi phí mai táng đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại Cơ sở mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 48 giờ, Cơ sở có trách nhiệm tổ chức mai táng. Mức mai táng phí là 8.100.000 đồng/người. Trong trường hợp cần trung cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết, Cơ sở thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên sau khi chấp hành xong quyết định được trở về nơi cư trú thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:

a) Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;

b) Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

13. Các khoản chi khác: Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể như sau:

a) Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);

b) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

Chương III

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐƯA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VÀO CAI NGHIỆN BẮT BUỘC TẠI CƠ SỞ, CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI CƠ SỞ

Điều 5. Nội dung, mức chi cho công tác đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở

Mức chi cho công tác đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở thực hiện theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014.

Điều 6. Các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định tại Cơ sở

1. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa

a) Đối với người nghiện ma túy chưa thành niên được cấp vật dụng cá nhân bằng hiện vật mức 400.000 đồng/người/năm hoặc lần chấp hành quyết định.

b) Học văn hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004. Căn cứ vào định mức hiện vật trang bị cho người chưa thành niên, Cơ sở lập dự toán hàng năm trên cơ sở giá cả thực tế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe: Thực hiện theo quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 4 Quy định này. Chi phí điều trị đối với người chưa thành niên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo trong thời gian nằm viện mà không có thẻ

bảo hiểm y tế được Trung tâm hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp người chưa thành niên có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế.

3. Các khoản chi phí trong thời gian chấp hành quyết định theo các nội dung chi quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 4 Quy định này.

Chương IV

CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ, CẢI NGHIỆN TẠI CƠ SỞ

Điều 7. Các khoản đóng góp

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 8 Quy định này), gồm các khoản chi phí sau:

1. Tiền ăn: 40.000đ/người/ngày (đây là mức đóng góp tối thiểu, nếu gia đình học viên hoặc học viên có nhu cầu ăn theo tiêu chuẩn khác thì mức đóng góp do thỏa thuận giữa Trung tâm và gia đình);

2. Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 650.000đ/người (đây là mức đóng góp tối thiểu, nếu gia đình học viên hoặc học viên có nhu cầu sử dụng loại thuốc cắt cơn và điều trị nghiện khác được Bộ Y tế cho phép lưu hành thì mức đóng góp do thỏa thuận giữa Trung tâm và gia đình);

3. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường khác: 50.000đ/người/tháng.

4. Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000đ/người/lần điều trị;

5. Sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao: 80.000đ/người/tháng;

6. Quần, áo và vật dụng cần thiết: 800.000đ/người/lần điều trị;

7. Học văn hóa, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): Mức thu tùy thuộc vào ngành nghề đăng ký và chi phí thực tế từng thời điểm, đảm bảo thu đủ bù chi;

8. Vệ sinh phụ nữ: 30.000đ/người/tháng;

9. Điện, nước, vệ sinh: 80.000đ/người/tháng;

10. Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 120.000đ/người/tháng;

11. Phục vụ, quản lý: 950.000đ/người/tháng.

Điều 8. Chế độ miễn, giảm

1. Miễn đóng góp chi phí đối với: Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; người chưa thành niên có hoàn cảnh khó khăn; người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người bị nhiễm HIV/AIDS; người không có nơi cư trú ổn định.

2. Giảm 50% mức đóng góp chi phí trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo.

3. Thủ tục miễn, giảm:

a) Xác nhận của UBND cấp xã đối với đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

b) Xác nhận của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đối với đối tượng thuộc diện gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Bản sao giấy xét nghiệm nhiễm HIV/AIDS đối với đối tượng nhiễm HIV/AIDS; trường hợp bị mất giấy báo kết quả xét nghiệm thì phải có xác nhận cụ thể của cơ sở y tế có thẩm quyền.

d) Bản sao giấy khai sinh (có chứng thực) và giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn của UBND cấp xã đối với đối tượng là người chưa thành niên.

3. Thẩm quyền giải quyết chế độ miễn, giảm: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hồ sơ của các nhóm đối tượng nêu trên quyết định chế độ miễn, giảm theo quy định.

Chương V

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CẢI NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG; CHẾ ĐỘ ĐÓNG GÓP VÀ MIỄN GIẢM, HỖ TRỢ TIỀN THUỐC CẮT CƠN NGHIỆN MA TUÝ

Điều 9. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; lập hồ sơ cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

a) Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi: 30.000 đồng/người/ngày.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ Tổ công tác cai nghiện ma túy (do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện như sau:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: Văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thông kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng với mức 50.000 đồng/người/ngày.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma túy với mức như sau:

- 50.000 đồng/buổi tư vấn/người cai nghiện ma túy;

- 70.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên).

d) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: Mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng mức chi không quá 350.000 đồng/người/tháng.

4. Chi phí vận chuyển người nghiện ma túy từ nơi cư trú của người nghiện đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (nếu có). Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số ki lô mét và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

Kinh phí chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp xã.

Điều 10. Các khoản đóng góp

Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được hỗ trợ một số khoản theo quy định tại Điều 12 Quy định này), gồm:

1. Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 150.000đ/người/lần điều trị.
2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện 650.000đ/người/lần điều trị.
3. Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000đ/người/ngày.

Điều 11. Chế độ miễn, giảm

1. Miễn đóng góp chi phí đối với: Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; người chưa thành niên; người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; người bị nhiễm HIV/AIDS; người không có nơi cư trú nhất định.

2. Giảm 50% mức đóng góp chi phí trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo.

3. Thủ tục miễn, giảm

- a) Xác nhận UBND cấp xã đối với đối tượng thuộc diện nêu trên;
- b) Bản sao giấy xét nghiệm nhiễm HIV/AIDS đối với đối tượng nhiễm HIV/AIDS; trường hợp bị mất giấy báo kết quả xét nghiệm thì phải có xác nhận cụ thể của cơ sở y tế có thẩm quyền;

c) Bản sao giấy khai sinh (có chứng thực) đối với đối tượng là người chưa thành niên;

4. Thẩm quyền giải quyết chế độ miễn, giảm: Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ hồ sơ của các nhóm đối tượng nêu trên quyết định chế độ miễn, giảm theo quy định.

Điều 12. Chế độ hỗ trợ

1. Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

2. Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- a) Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
- b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: Mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan quản lý

1. Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan dự trù kinh phí thực hiện; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; quản lý việc sử dụng kinh phí, đảm bảo đúng mục đích, định mức, hiệu quả và tiết kiệm theo quy định.

a) Hàng năm hướng dẫn Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh lập dự toán ngân sách và kế hoạch thu, chi báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định, tổ chức quản lý thu, chi, thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ kinh phí, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện chi hỗ trợ, miễn, giảm chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng nghiện ma túy theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ số lượng người nghiện ma túy trên địa bàn chỉ đạo các đơn vị liên quan lập dự trù kinh phí cho công tác đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, phê duyệt kinh phí thực hiện hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

Hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn hàng năm căn cứ số lượng người nghiện ma túy trên địa bàn để tổ chức cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng, đưa đi cai nghiện bắt buộc lập dự toán kinh phí trình HĐND cùng cấp thông qua, tổ chức quản lý thu, chi, thanh quyết toán theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành trí